

BÁO CÁO SỐ LIỆU SINH VIÊN NĂM 2017 VÀ NĂM 2018

Stt	Tên đơn vị	Số liệu báo cáo năm 2018												
		Thực hiện năm 2017					Quyết định giao chỉ tiêu tuyển sinh NH 2017-2018 (Số QĐ../ngày..)	Dự toán năm 2018						
		Số đầu năm	Số tốt nghiệp	Số chỉ tiêu tuyển mới	Số thực tế tuyển mới	Bình quân		Số đầu năm	Số tốt nghiệp + bỏ học	Số chỉ tiêu tuyển mới	Số thực tế tuyển mới	Bình quân	Quyết định giao chỉ tiêu tuyển sinh NH 2018-2019 (Số QĐ../ngày..)	Ghi chú khóa học ra trường
		2	3	4	5	$6 = \frac{2+3+4}{3}$		$7 = \frac{2+3}{3} + \min(4;5)$	8	9	10	$11 = \frac{7+8+4}{3} + \min(9;10) : 4$	12	13
1	CD LÝ TỰ TRỌNG	8,250	2,968	5,660	4,732	8,691	Căn cứ theo điều 23, chương III, thông tư số 05/2017/TT-BLĐTĐ ngày 2/3/2017	10,014	2,683	5,560	5,100	10,618	Căn cứ theo điều 23, chương III, thông tư số 05/2017/TT-BLĐTĐ ngày 2/3/2017	-
	* Hệ Cao đẳng	6,100	2,086	4,220	3,381	6,424		7,395	1,888	3,850	3,750	7,861		
	* Hệ TCCN	2,150	882	1,440	1,351	2,267		2,619	795	1,710	1,350	2,758		

(Đính kèm biểu số liệu học sinh chi tiết của năm 2017)

Ngày 25 tháng 06 năm 2018

Phòng CTCT - HSSV

Phòng TS - Đào tạo

Hiệu trưởng



Hoàng Ngọc Cảnh



Nguyễn Văn Tấn



Phạm Hữu Lộc

THÔNG KÊ CHI TIẾT SỐ LƯỢNG HỌC SINH SINH VIÊN THEO TỪNG THÁNG NĂM 2017

S TT	Ngành nghề	Tên lớp	THÁNG											
			01/2017	02/2017	03/2017	04/2017	05/2017	06/2017	07/2017	08/2017	09/2017	10/2017	11/2017	12/2017
1	KHOA KINH TẾ	15TCN-KTD	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33
		15CDN-QTD	14	14	14	14	14	14	14	14	14	14	14	14
		16CDN-QTD	45	45	45	47	47	47	47	47	47	47	47	47
		16TCN-KTD	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45
		16TCN-QTD	53	53	53	53	53	53	53	53	53	53	53	53
		17TCN	0	0	0	0	0	0	0	0	100	100	100	100
		17CDN	0	0	0	0	0	0	0	0	50	50	50	50
		Tổng khoa	190	190	190	192	192	192	192	192	342	342	342	342
2	KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	13CD-TM1	7	7	7	6	6	6	6	6	0	0	0	0
		13CD-TM2	11	9	8	6	6	6	6	6	0	0	0	0
		13CD-TP1	7	7	7	6	6	6	6	6	0	0	0	0
		13CD-TP2	11	11	11	10	10	10	10	10	0	0	0	0
		13TC-QTM	12	12	12	12	12	12	12	12	0	0	0	0
		14CD-TM1	40	35	28	21	21	21	21	21	0	0	0	0
		14CD-TP1	70	64	60	54	54	54	54	54	0	0	0	0
		14TCQT01	28	20	15	9	9	9	9	9	0	0	0	0
		15CD-TP1	56	56	56	56	56	56	56	56	56	56	56	56
		15CD-TP2	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60
		15CD-TP3	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58
		15CD-TM1	64	64	64	64	64	64	64	64	64	64	64	64
		15CD-TM2	70	70	70	70	70	70	70	70	70	70	70	70
		15CD-TW	67	67	67	67	67	67	67	67	67	67	67	67
		15TCT-QTM	16	16	16	16	16	16	16	0	0	0	0	0
		15TC-QTM	16	16	16	16	16	16	16	16	16	16	16	16
		15TCN-QTM1	61	61	61	61	61	61	61	61	61	61	61	61
		15TCN-QTM2	62	62	62	62	62	62	62	62	62	62	62	62
		16CD-CNNT1	64	64	60	58	58	58	58	58	58	58	58	58
		16CD-CNNT2	64	64	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60
		16CD-CNNT3	63	63	61	59	59	59	59	59	59	59	59	59
		16CD-CNNT4	63	63	61	59	59	59	59	59	59	59	59	59
		16CD-CNNT5	64	62	62	59	59	59	59	59	59	59	59	59

S TT	Ngành nghề	Tên lớp	THÁNG											
			01/2017	02/2017	03/2017	04/2017	05/2017	06/2017	07/2017	08/2017	09/2017	10/2017	11/2017	12/2017
	KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	16TCT-QTM	71	71	71	67	67	67	67	67	67	67	67	67
		16TC-QTM	61	61	61	58	58	58	58	58	58	58	58	58
		16TCN-QTM1	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50
		16TCN-QTM2	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58
		16CĐ-LTCNTT	13	13	13	12	12	12	12	12	12	12	12	12
		17TCN	0	0	0	0	0	0	0	0	188	188	188	188
		17CĐN	0	0	0	0	0	0	0	0	30	30	30	30
		17TC	0	0	0	0	0	0	0	0	200	200	200	200
		17CĐ	0	0	0	0	0	0	0	0	340	340	340	340
		17CĐLT	0	0	0	0	0	0	0	0	30	30	30	30
		Tổng khoa	1287	1264	1235	1194	1194	1194	1194	1178	1842	1842	1842	1842
3	KHOA CÔNG NGHỆ CƠ KHÍ	13CĐ-CK1	10	10	10	9	9	9	9	9	0	0	0	0
		13CĐ-CK2	10	7	6	5	5	5	5	5	0	0	0	0
		13CĐ-CK3	23	20	18	17	17	17	17	17	0	0	0	0
		13CĐ-CK4	19	19	18	17	17	17	17	17	0	0	0	0
		13TC-CKT	8	8	8	8	8	8	8	8	0	0	0	0
		14TCCT01	26	15	10	6	6	6	6	6	0	0	0	0
		14TCCP01	15	14	13	10	10	10	10	10	0	0	0	0
		14CĐCK01	68	60	55	49	49	49	49	49	0	0	0	0
		14CĐCK02	64	57	48	46	46	46	46	46	0	0	0	0
		14CĐCK03	67	67	60	53	53	53	53	53	0	0	0	0
		15CĐ-CD1	65	65	65	65	65	65	65	65	65	65	65	65
		15CĐ-CD2	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45
		15CĐ-CDT1	64	64	64	64	64	64	64	64	64	64	64	64
		15CĐ-CDT2	39	39	39	39	39	39	39	39	39	39	39	39
		15CĐ-CTM1	65	65	65	65	65	65	65	65	65	65	65	65
		15CĐ-CTM2	68	68	68	68	68	68	68	68	68	68	68	68
		15CĐ-CTM3	63	63	63	63	63	63	63	63	63	63	63	63
		15CĐ-CTM4	65	65	65	65	65	65	65	65	65	65	65	65
		15CĐ-CTM5	61	61	61	61	61	61	61	61	61	61	61	61
		15TN-CK	19	19	19	19	19	19	19	0	0	0	0	0
		15TCT-CK	16	16	16	16	16	16	16	0	0	0	0	0
		15TCN-CKL	53	53	53	53	53	53	53	53	53	53	53	53
		15CĐ-LTCK	7	7	7	7	7	7	7	7	0	0	0	0
		16CĐ-CK1	64	64	64	59	59	59	59	59	59	59	59	59
		16CĐ-CK2	63	63	63	59	59	59	59	59	59	59	59	59
		16CĐ-CK3	63	63	63	59	59	59	59	59	59	59	59	59
		16CĐ-CK4	63	63	63	59	59	59	59	59	59	59	59	59


 BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
 HƯỚNG DẪN

[illegible]

S TT	Ngành nghề	Tên lớp	THÁNG											
			01/2017	02/2017	03/2017	04/2017	05/2017	06/2017	07/2017	08/2017	09/2017	10/2017	11/2017	12/2017
	KHOA CÔNG NGHỆ ĐIỆN - ĐIỆN TỬ	15CD-LTD	29	29	29	29	29	29	29	29	0	0	0	0
		16CD-ĐĐT1	59	59	57	57	53	53	53	53	53	53	53	53
		16CD-ĐĐT2	60	60	60	59	55	53	53	53	53	53	53	53
		16CD-ĐĐT3	59	59	59	59	55	53	53	53	53	53	53	53
		16CD-ĐĐT4	59	59	59	59	53	53	53	53	53	53	53	53
		16CD-ĐĐT5	59	59	59	59	53	53	53	53	53	53	53	53
		16CD-ĐĐT6	58	58	58	52	52	52	52	52	52	52	52	52
		16CD-ĐĐT7	58	58	58	58	52	52	52	52	52	52	52	52
		16CD-ĐĐT8	58	54	54	52	52	52	52	52	52	52	52	52
		16CD-ĐĐT9	58	58	54	52	52	52	52	52	52	52	52	52
		16TN-Đ	16	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10
		16TCT-Đ	65	65	65	65	60	60	60	60	60	60	60	60
		16TCN-Đ	56	53	53	53	53	53	53	53	53	53	53	53
		16TCN-ĐT	64	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60
		16CD-LTĐĐT	28	25	20	19	19	19	19	19	19	19	19	19
		17TCN	0	0	0	0	0	0	0	0	212	212	212	212
		17CDN	0	0	0	0	0	0	0	0	30	30	30	30
		17TC	0	0	0	0	0	0	0	0	90	90	90	90
		17CD	0	0	0	0	0	0	0	0	593	593	593	593
		17CDLT	0	0	0	0	0	0	0	0	30	30	30	30
		Tổng khoa	1731	1681	1643	1618	1583	1579	1579	1528	2203	2203	2203	2203
5	KHOA CÔNG NGHỆ NHIỆT - LẠNH	13CD-NL1	5	5	5	5	5	5	5	5	0	0	0	0
		13TC-ĐL	11	11	11	11	11	11	11	11	0	0	0	0
		14CDNL01	42	38	36	34	34	34	34	34	0	0	0	0
		14TCĐL01	30	20	17	11	11	11	11	11	0	0	0	0
		15CD-ĐL1	48	48	48	48	48	48	48	48	48	48	48	48
	KHOA CÔNG NGHỆ NHIỆT - LẠNH	15CD-ĐL2	52	52	52	52	52	52	52	52	52	52	52	52
		15CD-ĐL3	56	56	56	56	56	56	56	56	56	56	56	56
		15TN-NL	22	22	22	22	22	22	22	0	0	0	0	0
		15TCT-NL	16	16	16	16	16	16	16	0	0	0	0	0
		15TCN-LĐL	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45
		16CD-ĐL1	58	58	58	53	53	53	53	53	53	53	53	53
		16CD-ĐL2	58	58	58	54	54	54	54	54	54	54	54	54
		16CD-ĐL3	59	59	59	54	54	54	54	54	54	54	54	54
		16CD-ĐL4	43	43	43	40	40	40	40	40	40	40	40	40
		16TCN-LĐL1	58	58	58	56	56	56	56	56	56	56	56	56
		16TCN-LĐL2	50	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45	45
		17TCN	0	0	0	0	0	0	0	0	140	140	140	140

S TT	Ngành nghề	Tên lớp	THÁNG											
			01/2017	02/2017	03/2017	04/2017	05/2017	06/2017	07/2017	08/2017	09/2017	10/2017	11/2017	12/2017
		17CBN	0	0	0	0	0	0	0	0	30	30	30	30
		17TC	0	0	0	0	0	0	0	0	50	50	50	50
		17CD	0	0	0	0	0	0	0	0	182	182	182	182
		17CDLT	0	0	0	0	0	0	0	0	21	21	21	21
		Tổng khoa	653	634	629	602	602	602	602	564	926	926	926	926
6	KHOA CÔNG NGHỆ ĐỘNG LỰC	13CB-Ô1	4	4	4	4	4	4	4	4	0	0	0	0
		13CB-Ô2	19	19	19	14	14	14	14	14	0	0	0	0
		13CB-Ô3	14	14	14	13	13	13	13	13	0	0	0	0
		13TC-Ô1	8	8	7	6	6	6	6	6	0	0	0	0
		14CB-Ô1	64	60	52	51	51	51	51	51	0	0	0	0
		14CB-Ô2	65	60	55	53	53	53	53	53	0	0	0	0
		14CB-Ô3	61	55	51	49	49	49	49	49	0	0	0	0
		14CB-Ô4	59	55	50	49	49	49	49	49	0	0	0	0
		14TC-ÔT01	30	21	16	15	15	15	15	15	0	0	0	0
		14TC-ÔT02	22	15	13	12	12	12	12	12	0	0	0	0
		15CB-Ô1	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58
		15CB-Ô2	56	56	56	56	56	56	56	56	56	56	56	56
		15CB-Ô3	54	54	54	54	54	54	54	54	54	54	54	54
		15CB-Ô4	61	61	61	61	61	61	61	61	61	61	61	61
		15CB-Ô5	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60
		15CB-Ô6	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60
		15CB-Ô7	67	67	67	67	67	67	67	67	67	67	67	67
		15CB-Ô8	65	65	65	65	65	65	65	65	65	65	65	65
		15TN-Ô	14	14	14	14	14	14	14	0	0	0	0	0
		15TCT-Ô	47	47	47	47	47	47	47	0	0	0	0	0
		15TC-Ô	48	48	48	48	48	48	48	48	48	48	48	48
		15TCN-Ô1	56	56	56	56	56	56	56	56	56	56	56	56
		15TCN-Ô2	54	54	54	54	54	54	54	54	54	54	54	54
		15CBN-Ô	46	40	32	29	29	29	29	29	29	29	29	29
		15CB-LTÔTÔ	12	12	12	12	12	12	12	12	0	0	0	0
		16CB-Ô1	64	64	64	59	59	59	59	59	59	59	59	59
		16CB-Ô2	65	65	65	59	59	59	59	59	59	59	59	59
		16CB-Ô3	65	65	65	59	59	59	59	59	59	59	59	59
		16CB-Ô4	65	65	65	59	59	59	59	59	59	59	59	59
		16CB-Ô5	64	64	64	58	58	58	58	58	58	58	58	58
		16CB-Ô6	64	64	64	58	58	58	58	58	58	58	58	58
		16CB-Ô7	61	61	61	59	59	59	59	59	59	59	59	59
		16CB-Ô8	60	60	60	59	59	59	59	59	59	59	59	59
		16CB-Ô9	60	60	60	59	59	59	59	59	59	59	59	59



S TT	Ngành nghề	Tên lớp	THÁNG											
			01/2017	02/2017	03/2017	04/2017	05/2017	06/2017	07/2017	08/2017	09/2017	10/2017	11/2017	12/2017
7	KHOA CÔNG NGHỆ ĐỘNG LỰC	16CD-Ô10	61	61	61	58	58	58	58	58	58	58	58	58
		16CD-Ô11	60	60	60	58	58	58	58	58	58	58	58	58
		16CD-Ô12	60	60	60	58	58	58	58	58	58	58	58	58
		16CD-Ô13	60	60	60	58	58	58	58	58	58	58	58	58
		16TCT-Ô1	61	61	61	55	55	55	55	55	55	55	55	55
		16TN-Ô	21	21	21	19	19	19	19	19	19	19	19	19
		16TCT-Ô2	48	48	48	46	46	46	46	46	46	46	46	46
		16TC-Ô1	56	54	54	54	54	54	54	54	54	54	54	54
		16TC-Ô2	48	48	48	48	48	48	48	48	48	48	48	48
		16TCN-Ô1	52	52	52	51	51	51	51	51	51	51	51	51
		16TCN-Ô2	58	58	58	51	51	51	51	51	51	51	51	51
		16TCN-Ô3	33	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30
		16CDN-Ô1	83	77	71	60	60	60	60	60	60	60	60	60
		16CDN-Ô2	84	73	60	59	59	59	59	59	59	59	59	59
		16CD-LTÔ	28	27	21	19	19	19	19	19	19	19	19	19
		17TCN	0	0	0	0	0	0	0	0	210	210	210	210
		17CDN	0	0	0	0	0	0	0	0	110	110	110	110
		17TC	0	0	0	0	0	0	0	0	280	280	280	280
		17CD	0	0	0	0	0	0	0	0	873	873	873	873
		17CDLT	0	0	0	0	0	0	0	0	30	30	30	30
		Tổng khoa	2485	2421	2358	2260	2260	2260	2260	2199	3424	3424	3424	3424
	KHOA CÔNG NGHỆ MAY - THỜI TRANG	13CD-M	5	5	5	3	3	3	3	3	0	0	0	0
		13TC-MT	2	2	2	2	2	2	2	2	0	0	0	0
		14CDMT01	35	35	35	35	35	35	35	35	0	0	0	0
		14TCMT01	6	6	5	4	4	4	4	4	0	0	0	0
		15CD-MTT1	47	46	46	46	46	46	46	46	46	46	46	46
		15CD-MTT2	41	41	41	41	41	41	41	41	41	41	41	41
		15CD-MTT3	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50
		15TCN-MTT	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28
		16CD-MTT1	67	67	65	65	65	65	65	65	65	65	65	65
		16CD-MTT2	65	63	63	63	63	63	63	63	63	63	63	63
		16TC-MTT	59	55	55	55	55	55	55	55	55	55	55	55
		17TCN	0	0	0	0	0	0	0	0	50	50	50	50
		17CDN	0	0	0	0	0	0	0	0	30	30	30	30
		17TC	0	0	0	0	0	0	0	0	50	50	50	50
		17CD	0	0	0	0	0	0	0	0	158	158	158	158
		Tổng khoa	405	398	395	392	392	392	392	392	636	636	636	636

HANH
 TRONG
 TRONG
 PHO
 MINH
 HANH

S TT	Ngành nghề	Tên lớp	THÁNG											
			01/2017	02/2017	03/2017	04/2017	05/2017	06/2017	07/2017	08/2017	09/2017	10/2017	11/2017	12/2017
	Tổng hợp		8564	8374	8213	7960	7925	7607	7607	7406	11252	11252	11252	11252
	* Cao đẳng		5978	5874	5750	5558	5528	5524	5524	5524	7701	7701	7701	7701
	Bậc Cao đẳng khóa 13	2013	236	228	216	194	194	194	194	194	0	0	0	0
	Bậc Cao đẳng khóa 14	2014	824	754	681	639	639	639	639	639	0	0	0	0
	Bậc Cao đẳng khóa 15	2015	2199	2198	2198	2198	2198	2198	2198	2198	2198	2198	2198	2198
	Bậc Cao đẳng khóa 16	2016	2719	2694	2655	2527	2497	2493	2493	2493	2493	2493	2493	2493
	Bậc Cao đẳng khóa 17	2017	0	0	0	0	0	0	0	0	3010	3010	3010	3010
	* Trung cấp (12+2_2N3 và 9+3)		2150	2068	2042	1990	1985	1985	1985	1784	3371	3371	3371	3371
	Bậc trung cấp khóa 13	2013	53	53	52	50	50	50	50	50	0	0	0	0
	Bậc trung cấp khóa 14	2014	186	131	106	83	83	83	83	83	0	0	0	0
	Bậc trung cấp khóa 15	2015	776	776	776	776	776	776	776	575	575	575	575	575
	Bậc trung cấp khóa 16	2016	1135	1108	1108	1081	1076	1076	1076	1076	1076	1076	1076	1076
	Bậc trung cấp khóa 17	2017	0	0	0	0	0	0	0	0	1720	1720	1720	1720
	* Cao đẳng liên thông		122	118	107	98	98	98	98	98	180	180	180	180
	Bậc cao đẳng LT khóa 15	2015	48	48	48	48	48	48	48	48	0	0	0	0
	Bậc cao đẳng LT khóa 16	2016	74	70	59	50	50	50	50	50	50	50	50	50
	Bậc cao đẳng LT khóa 17	2017	0	0	0	0	0	0	0	0	130	130	130	130
	* Khối THPT	2016	314	314	314	314	314	0	0	0	0	0	0	0

Ghi chú:

- * Hệ Cao đẳng (tính từ thời điểm tháng 9/2017): khóa 16CĐ năm II, Khóa 15CĐ năm III; khóa 14CĐ, khóa 13CĐ ra trường.
- * Hệ Cao đẳng liên thông (tính từ thời điểm tháng 09/2017): khóa 16CĐLT năm I, khóa 15CĐLT ra trường ;
- * Hệ trung cấp (12+2_2N3 Tính từ thời điểm tháng 9): Khóa 16TN_TCT năm II, Khóa 15TN_TCT ra trường; Hệ trung cấp (9+3 tính từ thời điểm tháng 9) : Khóa 16TC năm II, Khóa 15TC ra trường.
- * Khóa 2017 là tuyển sinh mới năm 2017 bắt đầu từ tháng 9/2017

Phòng CTCT - HSSV



Hoàng Ngọc Cảnh

Phòng TS - Đào tạo



Nguyễn Văn Tấn

Ngày 25 tháng 06 năm 2018

Hiệu trưởng



Phạm Hữu Lộc

THỐNG KÊ CHI TIẾT SỐ LƯỢNG HỌC SINH SINH VIÊN THEO TỪNG THÁNG NĂM 2018

S TT	Ngành nghề	Tên lớp	THÁNG											
			01/2018	02/2018	03/2018	04/2018	05/2018	06/2018	07/2018	08/2018	09/2018	10/2018	11/2018	12/2018
1	KHOA KINH TẾ	15TCN-KTD	24	24	24	24	24	24	24	24	24	0	0	0
		15CĐN-QTD	14	14	14	14	14	14	14	14	14	0	0	0
		16CĐN-QTD	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33	33
		16TCN-KTD	37	37	37	37	37	37	37	37	37	37	37	37
		16TCN-QTD	53	53	53	50	49	45	40	37	37	37	37	37
		17T4-KTD1	56	56	56	56	56	56	56	56	56	56	56	56
		17T4-QTD	72	72	72	72	72	72	72	72	72	72	72	72
		17C1-KTD	69	69	69	69	69	69	69	69	69	69	69	69
		17C1-QTD	64	64	64	64	64	64	64	64	64	64	64	64
		18T4	0	0	0	0	0	0	0	0	105	105	105	105
		18C1	0	0	0	0	0	0	0	0	250	250	250	250
		Tổng khoa	422	422	422	419	418	414	409	406	761	723	723	723
2	KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN	17T4-NNA1	42	42	42	42	42	42	42	42	42	42	42	42
		17T4-NNA2	41	41	41	41	41	41	41	41	41	41	41	41
		17C1-NNA1	51	51	51	51	51	51	51	51	51	51	51	51
		17C1-NNA2	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50
		18T4	0	0	0	0	0	0	0	0	35	35	35	35
		18C1	0	0	0	0	0	0	0	0	100	100	100	100
		Tổng khoa	184	184	184	184	184	184	184	184	319	319	319	319
3	KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	13CĐ-TM1	6	6	6	6	6	6	6	6	6	0	0	0
		13CĐ-TM2	4	4	4	4	4	4	4	4	4	0	0	0
		13CĐ-TP1	6	6	6	6	6	6	6	6	6	0	0	0
		13CĐ-TP2	7	7	7	7	7	7	7	7	7	0	0	0
		13TC-QTM	12	12	12	12	12	12	12	12	12	0	0	0
		14CĐ-TM1	9	9	9	9	9	9	9	9	9	0	0	0
		14CĐ-TP1	17	17	17	17	17	17	17	17	17	0	0	0
		14TC-QT01	9	9	9	9	9	9	9	9	9	0	0	0
		15CĐ-TP1	45	45	45	45	45	45	45	45	45	0	0	0

S TT	Ngành nghề	Tên lớp	THÁNG											
			01/2018	02/2018	03/2018	04/2018	05/2018	06/2018	07/2018	08/2018	09/2018	10/2018	11/2018	12/2018
3	KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	15CD-TP2	44	44	44	44	44	44	44	44	44	0	0	0
		15CD-TM1	42	42	42	42	42	42	42	42	42	0	0	0
		15CD-TM2	29	29	29	29	29	29	29	29	29	0	0	0
		15CD-TW	42	42	42	42	42	42	42	42	42	0	0	0
		15TCT-QTM	6	6	6	6	6	6	6	6	6	0	0	0
		15TC-QTM	13	13	13	13	13	13	13	13	13	0	0	0
		15TCN-QTM1	68	68	68	68	68	68	68	68	68	0	0	0
		16CD-TP1	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32
		16CD-TP2	34	34	34	34	34	34	34	34	34	34	34	34
		16CD-TW1	34	34	34	34	34	34	34	34	34	34	34	34
		16CD-TW2	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40
		16CD-TM1	44	44	44	44	44	44	44	44	44	44	44	44
		16CD-TM2	43	43	43	43	43	43	43	43	43	43	43	43
		16TCT-QTM	25	25	25	25	25	25	25	25	25	0	0	0
		16TC-QTM	43	43	43	43	43	38	38	38	38	38	38	38
		16TCN-QTM1	56	56	53	53	53	50	48	48	48	45	35	35
		16TCN-QTM2	50	50	50	48	45	43	43	43	40	40	35	35
		16CD-LTCNTT	12	12	12	12	12	12	12	12	12	0	0	0
		17T2-QTM1	41	41	41	41	41	41	41	41	41	41	41	41
		17T4-TW1	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29
		17T4-CMT1	53	53	53	53	53	53	53	53	53	53	53	53
		17T4-LTM1	76	76	76	76	76	76	76	76	76	76	76	76
		17T4-QTM1	44	44	44	44	44	44	44	44	44	44	44	44
		17T4-QTM2	44	44	44	44	44	44	44	44	44	44	44	44
		17T4-THU1	76	76	76	76	76	76	76	76	76	76	76	76
		17C1-THU1	39	39	39	39	39	39	39	39	39	39	39	39
		17C1-TKW1	39	39	39	39	39	39	39	39	39	39	39	39
		17C1-CMT1	56	56	56	56	56	56	56	56	56	56	56	56
		17C1-CMT2	52	52	52	52	52	52	52	52	52	52	52	52
		17C1-LTM1	54	54	54	54	54	54	54	54	54	54	54	54
		17C1-LTM2	54	54	54	54	54	54	54	54	54	54	54	54
		17C1-ANM1	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26	26
		17C1-QTM1	67	67	67	67	67	67	67	67	67	67	67	67
		17CDLT	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50
		18T4	0	0	0	0	0	0	0	0	210	210	210	210
		18C1	0	0	0	0	0	0	0	0	600	600	600	600
		Tổng khoa	1,572	1,572	1,569	1,567	1,564	1,554	1,552	1,552	2,359	1,960	1,945	1,945

THÀNH
TRƯỜNG
CAO ĐẲNG
TỰ NHIÊN
HỒ CHÍ MINH

S TT	Ngành nghề	Tên lớp	THÁNG											
			01/2018	02/2018	03/2018	04/2018	05/2018	06/2018	07/2018	08/2018	09/2018	10/2018	11/2018	12/2018
4	KHOA CÔNG NGHỆ CƠ KHÍ	13CD-CK1	7	7	7	7	7	7	7	7	7	0	0	0
		13CD-CK2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	0	0
		13CD-CK3	14	14	14	14	14	14	14	14	14	0	0	0
		13CD-CK4	13	13	13	13	13	13	13	13	13	0	0	0
		13TC-CKT	8	8	8	8	8	8	8	8	8	0	0	0
		14TCCT01	5	5	5	5	5	5	5	5	5	0	0	0
		14TCCP01	10	10	10	10	10	10	10	10	10	0	0	0
		14CDCK01	24	24	24	24	24	24	24	24	24	0	0	0
		14CDCK02	24	24	24	24	24	24	24	24	24	0	0	0
		14CDCK03	20	20	20	20	20	20	20	20	20	0	0	0
		15CD-CD1	53	53	53	53	53	53	53	53	53	0	0	0
		15CD-CDT1	51	51	51	51	51	51	51	51	51	0	0	0
		15CD-CTM1	48	48	48	48	48	48	48	48	48	0	0	0
		15CD-CTM2	53	53	53	53	53	53	53	53	53	0	0	0
		15CD-CTM3	52	52	52	52	52	52	52	52	52	0	0	0
		15CD-CTM4	56	56	56	56	56	56	56	56	56	0	0	0
		15CD-CTM5	42	42	42	42	42	42	42	42	42	0	0	0
		15TN-CK	7	7	7	7	7	7	7	7	7	0	0	0
		15TCT-CK	9	9	9	9	9	9	9	9	9	0	0	0
		15TCN-CKL	15	15	15	15	15	15	15	15	15	0	0	0
		15CD-LTCK	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	0
		16CD-CD1	19	19	19	19	19	19	19	19	19	19	19	19
		16CD-CDT1	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22
		16CD-CNC1	21	21	21	21	21	21	21	21	21	21	21	21
		16CD-CTM1	65	65	65	65	65	65	65	65	65	65	65	65
		16CD-CTM2	52	52	52	52	52	52	52	52	52	52	52	52
		16CD-CTM3	64	64	64	64	64	64	64	64	64	64	64	64
		16CD-CTM4	65	65	65	65	65	65	65	65	65	65	65	65
		16CD-CTM5	64	64	64	64	64	64	64	64	64	64	64	64
		16TCN-CKL	40	40	40	40	40	38	38	35	35	35	35	35
		17T4-CCK1	52	52	52	52	52	52	52	52	52	52	52	52
		17T4-CCK2	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50
		17T4-CKL1	37	37	37	37	37	37	37	37	37	37	37	37
		17C1-CCK1	62	62	62	62	62	62	62	62	62	62	62	62
		17C1-CCK2	62	62	62	62	62	62	62	62	62	62	62	62
		17C1-CCK3	61	61	61	61	61	61	61	61	61	61	61	61

H
NG
HON
PHO
MINH

S TT	Ngành nghề	Tên lớp	THÁNG											
			01/2018	02/2018	03/2018	04/2018	05/2018	06/2018	07/2018	08/2018	09/2018	10/2018	11/2018	12/2018
4	KHOA CÔNG NGHỆ CƠ KHÍ	17C1-CCK4	61	61	61	61	61	61	61	61	61	61	61	61
		17C1-CCK5	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60
		17C1-CCK6	61	61	61	61	61	61	61	61	61	61	61	61
		17C1-CCK7	61	61	61	61	61	61	61	61	61	61	61	61
		17C1-CCK8	61	61	61	61	61	61	61	61	61	61	61	61
		17C1-CCK9	61	61	61	61	61	61	61	61	61	61	61	61
		17C1-CTM1	57	57	57	57	57	57	57	57	57	57	57	57
		17C1-CTM2	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58
		17C1-CTM3	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35	35
		17C1-CKL1	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15
		17C1-BCN1	47	47	47	47	47	47	47	47	47	47	47	47
		17CĐLT	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50
		18T4	0	0	0	0	0	0	0	0	175	175	175	175
		18C1	0	0	0	0	0	0	0	0	500	500	500	500
		Tổng khoa	1,878	1,878	1,878	1,878	1,878	1,876	1,876	1,873	2,548	2,033	2,033	2,033
5	KHOA CÔNG NGHỆ ĐIỆN - ĐIỆN TỬ	13CĐ-Đ1	6	6	6	6	6	6	6	6	6	0	0	0
		13CĐ-Đ2	19	19	19	19	19	19	19	19	19	0	0	0
		13CĐ-Đ3	6	6	6	6	6	6	6	6	6	0	0	0
		13CĐ-ĐT1	14	14	14	14	14	14	14	14	14	0	0	0
		13CĐ-ĐT2	8	8	8	8	8	8	8	8	8	0	0	0
		13TC-Đ1	6	6	6	6	6	6	6	6	6	0	0	0
		13TC-ĐT	6	6	6	6	6	6	6	6	6	0	0	0
		14CĐĐC01	28	28	28	28	28	28	28	28	28	0	0	0
		14CĐĐC02	10	10	10	10	10	10	10	10	10	0	0	0
		14CĐĐT01	6	6	6	6	6	6	6	6	6	0	0	0
		14CĐĐT02	9	9	9	9	9	9	9	9	9	0	0	0
		14TCĐC01	11	11	11	11	11	11	11	11	11	0	0	0
		15CĐ-TĐH1	38	38	38	38	38	38	38	38	38	0	0	0
		15CĐ-ĐCN1	56	56	56	56	56	56	56	56	56	0	0	0
		15CĐ-ĐCN2	56	56	56	56	56	56	56	56	56	0	0	0
		15CĐ-ĐCN3	53	53	53	53	53	53	53	53	53	0	0	0
		15CĐ-ĐCN4	55	55	55	55	55	55	55	55	55	0	0	0
		15CĐ-ĐĐT4	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	0
		15CĐ-ĐTCN1	44	44	44	44	44	44	44	44	44	0	0	0
		15TN-Đ	10	10	10	10	10	10	10	10	10	0	0	0
15TCT-Đ	15	15	15	15	15	15	15	15	15	0	0	0		

S TT	Ngành nghề	Tên lớp	THÁNG											
			01/2018	02/2018	03/2018	04/2018	05/2018	06/2018	07/2018	08/2018	09/2018	10/2018	11/2018	12/2018
5	KHOA CÔNG NGHỆ ĐIỆN - ĐIỆN TỬ	15TC-Đ	14	14	14	14	14	14	14	14	14	14	14	14
		15TCN-Đ	21	21	21	21	21	21	21	21	21	0	0	0
		15TCN-ĐT	26	26	26	26	26	26	26	26	26	0	0	0
		15CĐ-LTĐ	7	7	7	7	7	7	7	7	7	0	0	0
		16CĐ-ĐĐT1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
		16CĐ-ĐĐT7	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
		16CĐ-ĐCN1	57	57	57	57	57	57	57	57	57	57	57	57
		16CĐ-ĐCN2	54	54	54	54	54	54	54	54	54	54	54	54
		16CĐ-ĐCN3	55	55	55	55	55	55	55	55	55	55	55	55
		16CĐ-ĐCN4	56	56	56	56	56	56	56	56	56	56	56	56
		16CĐ-ĐCN5	54	54	54	54	54	54	54	54	54	54	54	54
		16CĐ-ĐTCN1	51	51	51	51	51	51	51	51	51	51	51	51
		16CĐ-TĐH1	47	47	47	47	47	47	47	47	47	47	47	47
		16TN-Đ	6	6	6	6	6	6	6	6	6	0	0	0
		16TCT-Đ	32	32	32	32	32	32	32	32	32	0	0	0
		16TCN-Đ	50	50	50	45	45	40	35	35	35	30	30	30
		16TCN-ĐT	57	57	57	56	52	49	45	40	36	36	35	35
		16CĐ-LTĐ	19	19	19	19	19	19	19	19	19	0	0	0
		17T2-ĐCN1	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30
		17T4-ĐĐT1	65	65	65	65	65	65	65	65	65	65	65	65
		17T4-ĐTC1	43	43	43	43	43	43	43	43	43	43	43	43
		17T4-ĐCN1	44	44	44	44	44	44	44	44	44	44	44	44
		17T4-ĐCN2	44	44	44	44	44	44	44	44	44	44	44	44
		17C1-ĐCN1	66	66	66	66	66	66	66	66	66	66	66	66
		17C1-ĐCN2	68	68	68	68	68	68	68	68	68	68	68	68
		17C1-ĐCN3	66	66	66	66	66	66	66	66	66	66	66	66
		17C1-ĐCN4	68	68	68	68	68	68	68	68	68	68	68	68
		17C1-ĐĐT1	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60
		17C1-ĐĐT2	59	59	59	59	59	59	59	59	59	59	59	59
		17C1-ĐĐT3	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60	60
		17C1-ĐĐT4	59	59	59	59	59	59	59	59	59	59	59	59
		17C1-CĐT1	70	70	70	70	70	70	70	70	70	70	70	70
		17C1-ĐTC1	37	37	37	37	37	37	37	37	37	37	37	37
		17C1-TĐH1	67	67	67	67	67	67	67	67	67	67	67	67
		17CĐLT	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50
		18T4	0	0	0	0	0	0	0	0	455	455	455	455
		18C1	0	0	0	0	0	0	0	0	1,300	1,300	1,300	1,300
		Tổng khoa	2,021	2,021	2,021	2,015	2,011	2,003	1,994	1,989	3,740	3,167	3,166	3,166

[illegible]

S TT	Ngành nghề	Tên lớp	THÁNG											
			01/2018	02/2018	03/2018	04/2018	05/2018	06/2018	07/2018	08/2018	09/2018	10/2018	11/2018	12/2018
7	KHOA CÔNG NGHỆ ĐỘNG LỰC	15CD-Ô2	51	51	51	51	51	51	51	51	51	0	0	0
		15CD-Ô3	53	53	53	53	53	53	53	53	53	0	0	0
		15CD-Ô4	46	46	46	46	46	46	46	46	46	0	0	0
		15CD-Ô5	51	51	51	51	51	51	51	51	51	0	0	0
		15CD-Ô6	52	52	52	52	52	52	52	52	52	0	0	0
		15TN-Ô	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	0	0
		15TCT-Ô	18	18	18	18	18	18	18	18	18	0	0	0
		15TC-Ô	17	17	17	17	17	17	17	17	17	0	0	0
		15TCN-Ô1	42	42	42	42	42	42	42	42	42	0	0	0
		15CDN-Ô	24	24	24	24	24	24	24	24	24	0	0	0
		15CD-LTÔTÔ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	0
		16CD-Ô1	49	49	49	49	49	49	49	49	49	49	49	49
		16CD-Ô2	49	49	49	49	49	49	49	49	49	49	49	49
		16CD-Ô3	51	51	51	51	51	51	51	51	51	51	51	51
		16CD-Ô4	49	49	49	49	49	49	49	49	49	49	49	49
		16CD-Ô5	54	54	54	54	54	54	54	54	54	54	54	54
		16CD-Ô6	48	48	48	48	48	48	48	48	48	48	48	48
		16CD-Ô7	51	51	51	51	51	51	51	51	51	51	51	51
		16CD-Ô8	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50
		16CD-Ô9	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50
		16CD-Ô10	48	48	48	48	48	48	48	48	48	48	48	48
		16CD-Ô11	48	48	48	48	48	48	48	48	48	48	48	48
		16CD-Ô12	48	48	48	48	48	48	48	48	48	48	48	48
		16TCT-Ô1	25	25	25	25	25	25	25	25	25	0	0	0
		16TN-Ô	11	11	11	11	11	11	11	11	11	0	0	0
		16TCT-Ô2	19	19	19	19	19	19	19	19	19	0	0	0
		16TC-Ô1	77	75	75	70	70	65	63	55	50	45	40	40
		16TCN-Ô1	43	43	43	43	40	40	35	35	35	35	35	35
		16TCN-Ô2	46	46	46	46	46	46	40	40	35	35	35	35
		16CDN-Ô1	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27	27
		16CDN-Ô2	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40	40
		16CD-LTÔ	18	18	18	18	18	18	18	18	18	0	0	0
		17T4-CNÔ1	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58
		17T4-CNÔ2	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58
		17T4-CNÔ3	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58
		17T4-CNÔ4	54	54	54	54	54	54	54	54	54	54	54	54

THA
RUO
AO D
TƯ T
HÀNH
CHỈ
★

S TT	Ngành nghề	Tên lớp	THÁNG											
			01/2018	02/2018	03/2018	04/2018	05/2018	06/2018	07/2018	08/2018	09/2018	10/2018	11/2018	12/2018
7	KHOA CÔNG NGHỆ ĐỘNG LỰC	17C1-CNÔ1	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58
		17C1-CNÔ2	57	57	57	57	57	57	57	57	57	57	57	57
		17C1-CNÔ3	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58
		17C1-CNÔ4	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58
		17C1-CNÔ5	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58
		17C1-CNÔ6	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58
		17C1-CNÔ7	59	59	59	59	59	59	59	59	59	59	59	59
		17C1-CNÔ8	56	56	56	56	56	56	56	56	56	56	56	56
		17C1-CNÔ9	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58
		17C1-CNÔ10	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58
		17C1-CNÔ11	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58
		17C1-CNÔ12	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58
		17C1-CNÔ13	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58
		17C1-CNÔ14	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58
		17C1-CNÔ15	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58
		17C1-CNÔ16	55	55	55	55	55	55	55	55	55	55	55	55
		17CĐLT	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50
		18T4	0	0	0	0	0	0	0	0	105	105	105	105
		18C1	0	0	0	0	0	0	0	0	400	400	400	400
		Tổng khoa	2,646	2,644	2,644	2,639	2,636	2,631	2,618	2,610	3,105	2,483	2,478	2,478
8	KHOA CÔNG NGHỆ MAY - THỜI TRANG	13CĐ-M	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0	0	0
		13TC-MT	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	0	0
		14CĐMT01	7	7	7	7	7	7	7	7	7	0	0	0
		14TCMT01	4	4	4	4	4	4	4	4	4	0	0	0
		15CĐ-MTT1	62	62	62	62	62	62	62	62	62	0	0	0
		15CĐ-MTT2	59	59	59	59	59	59	59	59	59	0	0	0
		15TCT-MTT	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	0
		15TCN-MTT	22	22	22	22	22	22	22	22	22	0	0	0
		16CĐ-MTT1	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50	50
		16CĐ-MTT2	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58
		16TC-MTT	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32
		17T4-CNM1	47	47	47	47	47	47	47	47	47	47	47	47
		17C1-CNM1	57	57	57	57	57	57	57	57	57	57	57	57
		17C1-CNM2	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58	58
		18T4	0	0	0	0	0	0	0	0	125	125	125	125
		18C1	0	0	0	0	0	0	0	0	200	200	200	200
		Tổng khoa	462	462	462	462	462	462	462	462	787	627	627	627

S TT	Ngành nghề	Tên lớp	THÁNG											
			01/2018	02/2018	03/2018	04/2018	05/2018	06/2018	07/2018	08/2018	09/2018	10/2018	11/2018	12/2018
	Tổng hợp		10,014	10,012	10,007	9,989	9,978	9,949	9,917	9,896	14,974	12,457	12,431	12,431
	* Cao đẳng		7,137	7,137	7,137	7,137	7,137	7,137	7,137	7,137	10,887	9,057	9,057	9,057
	Bậc Cao đẳng khóa 13	2,013	143	143	143	143	143	143	143	143	143	0	0	0
	Bậc Cao đẳng khóa 14	2,014	246	246	246	246	246	246	246	246	246	0	0	0
	Bậc Cao đẳng khóa 15	2,015	1,441	1,441	1,441	1,441	1,441	1,441	1,441	1,441	1,441	0	0	0
	Bậc Cao đẳng khóa 16	2,016	1,929	1,929	1,929	1,929	1,929	1,929	1,929	1,929	1,929	1,929	1,929	1,929
	Bậc Cao đẳng khóa 17	2,017	3,378	3,378	3,378	3,378	3,378	3,378	3,378	3,378	3,378	3,378	3,378	3,378
	Bậc Cao đẳng khóa 18	2,018	0	0	0	0	0	0	0	0	3,750	3,750	3,750	3,750
	* Trung cấp		2,619	2,617	2,612	2,594	2,583	2,554	2,522	2,501	3,829	3,200	3,174	3,174
	Bậc trung cấp khóa 13	2,013	53	53	53	53	53	53	53	53	53	0	0	0
	Bậc trung cấp khóa 14	2,014	72	72	72	72	72	72	72	72	72	0	0	0
	Bậc trung cấp khóa 15	2,015	382	382	382	382	382	382	382	382	382	14	14	14
	Bậc trung cấp khóa 16	2,016	761	759	754	736	725	696	664	643	621	485	459	459
	Bậc trung cấp khóa 17	2,017	1,351	1,351	1,351	1,351	1,351	1,351	1,351	1,351	1,351	1,351	1,351	1,351
	Bậc trung cấp khóa 18	2,018	0	0	0	0	0	0	0	0	1,350	1,350	1,350	1,350
	* Cao đẳng liên thông		258	258	258	258	258	258	258	258	258	200	200	200
	Bậc cao đẳng LT khóa 15	2,015	9	9	9	9	9	9	9	9	9	0	0	0
	Bậc cao đẳng LT khóa 16	2,016	49	49	49	49	49	49	49	49	49	0	0	0
	Bậc cao đẳng LT khóa 17	2,017	200	200	200	200	200	200	200	200	200	200	200	200

Ghi chú:

* Hệ Cao đẳng (tính từ thời điểm tháng 9/2018): khóa 15CD tốt nghiệp ra trường, Khóa 16CD năm III; khóa 17CD năm II, số SV khóa 13CD, 14CD học trả nợ.

* Hệ Cao đẳng liên thông (tính từ thời điểm tháng 09/2018): khóa 17CDLT năm I, khóa 16CDLT ra trường, số SV khóa 15CDLT học trả nợ ;

* Hệ trung cấp (Tính từ thời điểm tháng 9/2018): Khóa 16TN_TCT, 15TC, 15TCN, 15CDN tốt nghiệp ra trường ; Khóa 16TC, 16TCN, 16CDN năm III, 17T2, 17T4 năm II; Số HS 14TC, 15TN_TCT học trả nợ.

* Khóa 2018 là tuyển sinh mới năm 2018 bắt đầu từ tháng 9/2018

Phòng CTCT - HSSV



Hoàng Ngọc Cảnh

Phòng TS - Đào tạo



Nguyễn Văn Tấn

Ngày 25 tháng 06 năm 2018

Hiệu trưởng



Phạm Hữu Lộc